

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ IV NĂM 2023**

<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KÝ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ IV NĂM 2023	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ IV NĂM 2023	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ IV NĂM 2023	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ IV NĂM 2023	5-21

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương



Tổng giám đốc

Dương Ngọc Tú

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Quý IV năm 2023

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2023 Toàn công ty	NGÀY 01/01/2023 Toàn công ty
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>385.675.274.040</b>	<b>464.283.012.220</b>
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
<b>I - Tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>225.687.361.934</b>	<b>241.232.955.468</b>
1 - Tiền	111		208.987.361.934	240.682.955.468
2 - Các khoản tương đương tiền	112		16.700.000.000	550.000.000
<b>II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>60.000.000.000</b>	<b>122.554.520.548</b>
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		60.000.000.000	122.554.520.548
<b>III - Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.602.208.386</b>	<b>20.597.262.396</b>
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	31.159.016.260	16.159.204.878
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.503.707.808	2.093.597.714
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	14.446.176.171	15.805.854.008
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(9.506.691.853)	(13.461.394.204)
<b>IV - Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>32.106.173.765</b>	<b>58.249.942.435</b>
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	32.106.173.765	58.249.942.435
<b>V - Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.279.529.955</b>	<b>21.648.331.373</b>
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	3.023.525.620	2.578.321.423
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.725.601.561	16.101.920.322
3 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	2.530.402.774	2.968.089.628
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>231.975.907.126</b>	<b>270.704.385.207</b>
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
<b>II - Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>141.314.569.972</b>	<b>224.178.916.568</b>
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	141.263.231.062	223.971.827.666
- Nguyên giá	222		1.326.964.611.716	1.323.218.179.148
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.185.701.380.654)	(1.099.246.351.482)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	51.338.910	207.088.902
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(613.315.590)	(457.565.598)
<b>III - Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.11	<b>3.432.542.629</b>	<b>4.239.128.721</b>
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(20.267.462.022)	(19.460.875.930)
<b>IV - Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.7	<b>49.739.044.253</b>	<b>3.439.374.004</b>
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		49.739.044.253	3.439.374.004
<b>V - Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>87.993.205</b>	<b>94.730.405</b>
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	537.428.525	537.428.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(449.435.320)	(442.698.120)
<b>VI - Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.401.757.067</b>	<b>38.752.235.509</b>
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	37.401.757.067	37.861.943.111
2 - Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	890.292.398
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>617.651.181.166</b>	<b>734.987.397.427</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2023 Toàn công ty	NGÀY 01/01/2023 Toàn công ty
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>		<b>100.988.491.088</b>	<b>241.076.721.288</b>
<b>I - Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>100.782.986.473</b>	<b>228.755.271.288</b>
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	15.773.786.919	36.959.537.410
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.000.000.000	604.465.000
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	8.485.574.040	9.030.964.942
4 - Phải trả người lao động	314		32.161.538.989	54.936.269.184
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.653.991.957	179.499.010
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	399.673.505	13.199.889.446
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	27.963.829.853	89.580.378.976
10 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	320	V.14	-	23.697.000.000
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.344.591.210	567.267.320
<b>II - Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>205.504.615</b>	<b>12.321.450.000</b>
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	-
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	-	12.321.450.000
11 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	205.504.615	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>516.662.690.078</b>	<b>493.910.676.139</b>
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>516.662.690.078</b>	<b>493.910.676.139</b>
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		146.220.778.825	83.086.506.355
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		170.441.911.253	210.824.169.784
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		138.434.656.073	(40.744.427.908)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.007.255.180	251.568.597.692
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>617.651.181.166</b>	<b>734.987.397.427</b>

Lập ngày 10 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng giám đốc



Dương Ngọc Tú

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)  
**Quý IV năm 2023**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV		Đơn vị tính: VND
			QUÝ IV NĂM 2023	QUÝ IV NĂM 2022	NĂM 2023	NĂM 2022	
			4	5	6	7	
1	2	3					
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	134.278.935.935	220.699.221.566	593.844.082.552	1.051.592.234.779	
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	134.278.935.935	220.699.221.566	593.844.082.552	1.051.592.234.779	
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	141.370.410.876	201.185.063.466	581.327.898.831	772.380.867.826	
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(7.091.474.941)	19.514.158.100	12.516.183.721	279.211.366.953	
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	2.847.778.508	2.735.987.080	21.348.661.418	12.756.917.853	
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	2.072.581.007	6.899.789.049	8.839.046.784	16.989.569.268	
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		533.951.542	1.168.874.431	2.862.441.692	9.133.565.044	
8 - Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24						
9 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	3.154.637.458	4.246.853.074	11.841.439.097	22.237.345.500	
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	5.986.881.191	16.721.581.029	23.800.914.778	46.677.519.992	
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + ( 21 - 22 ) + 24 - ( 25 + 26 )	30		(15.457.796.089)	(5.618.077.972)	(10.616.555.520)	206.063.850.046	
12 - Thu nhập khác	31	VI.30	58.700.368.952	47.345.353.678	58.782.937.119	108.750.234.929	
13 - Chi phí khác	32	VI.31	2.597.622.120	304.500.001	3.041.471.568	306.235.896	
14 - Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		56.102.746.832	47.040.853.677	55.741.465.551	108.443.999.033	
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40 )	50		40.644.950.743	41.422.775.705	45.124.910.031	314.507.849.079	
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	7.541.898.550	10.097.011.351	7.997.131.689	63.829.543.785	
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.35	1.095.797.013	(890.292.398)	1.095.797.013	(890.292.398)	
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 60 = 50 - 51 - 52 )	60		32.007.255.180	32.216.056.752	36.031.981.329	251.568.597.692	
19 - Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		32.007.255.180	32.216.056.752	36.031.981.329	251.568.597.692	
20 - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62						
21 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.600	1.611	1.802	12.578	
22 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71						

Người lập biểu



Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương

M.S.D. N.020011.6485 ngày 10 tháng 01 năm 2024





**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Dạng đầy đủ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			NĂM 2023	NĂM 2022
1	2	3	4	5
<b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		45.124.910.031	314.507.849.079
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		88.169.952.686	88.196.859.251
- Các khoản dự phòng	03		(3.947.965.151)	3.977.379.601
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.029.333.924)	4.375.645.421
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.885.339.325)	(51.888.765.575)
- Chi phí lãi vay	06		2.862.441.692	9.133.565.044
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(58.628.174.289)	(61.350.008.110)
<b>3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>62.666.491.720</b>	<b>306.952.524.711</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.865.474.142)	42.853.487.487
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		26.143.768.670	20.721.277.024
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(56.621.079.837)	(21.060.259.290)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		14.981.847	8.998.286.326
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.183.328.886)	(2.350.003.780)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.552.244.490)	(51.067.426.396)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.980.000	479.607.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.555.623.500)	(1.017.240.880)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.050.471.382</b>	<b>304.510.252.202</b>
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(58.615.723.315)	(9.028.011.871)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		55.003.367	47.218.693.455
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(171.700.000.000)	(172.807.424.658)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		234.254.520.548	90.252.904.110
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.409.238.821	3.583.682.958
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>14.403.039.421</b>	<b>(40.780.156.006)</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
4 - Tiền trả gốc vay	34	VII	(36.018.450.000)	(196.000.542.772)
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(582.966.588)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(36.018.450.000)</b>	<b>(196.583.509.360)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(16.564.939.197)</b>	<b>67.146.586.836</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>241.232.955.468</b>	<b>178.500.086.206</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.019.345.663	(4.413.717.574)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>225.687.361.934</b>	<b>241.232.955.468</b>

Lập ngày 01 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Dương Ngọc Tú

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng -TP. Hải phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

---

Mẫu số B09-DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY IV NĂM 2023

### I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty hàng hải Việt Nam sở hữu 51%

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 477 người.

#### 2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

#### 3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng -TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

---

#### **4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý IV năm 2023 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Thị trường cước tàu hàng khô quốc tế trong quý 4/2023 có xu hướng phục hồi tuy nhiên đối với nhóm tàu nhỏ handysize của công ty, mặt bằng giá cước hầu như không có biến động lớn. Giá cước xi măng Việt Nam – Philippines trong tháng 11 còn giảm về mức giá thấp nhất trong năm và chỉ phục hồi nhẹ vào tháng 12. Thêm vào đó, trong quý 4, Công ty có 01 tàu lên đà sửa chữa định kỳ 31 ngày; 01 tàu lên đà từ 18/12 nên mất 14 ngày vận doanh và một tàu phải dừng để sửa chữa 03 ngày. Tổng số ngày vận doanh của đội tàu trong quý 4/2023 giảm 48 ngày. Các nguyên nhân trên khiến cho doanh thu trong Quý 4 giảm so với quý trước và sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022, lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt hiệu quả như kỳ vọng.

#### **I – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :**

- 1- Kỳ kế toán quý IV : bắt đầu từ ngày 01/10 và kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý IV năm 2023 bắt đầu từ ngày 01/10/2023 đến 31/12/2023.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

#### **III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :**

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

#### **3- Hình thức kế toán áp dụng :**

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

#### **IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

---

chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

### 2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

### 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

### 4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

### 5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng -TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

---

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

#### **6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :**

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

#### **7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :**

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

#### **8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :**

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

#### **10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng -TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

---

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

#### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :**

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

#### **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :**

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :** theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

**14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :**

<b>1- Tiền</b>	<b>Ngày 31/12/2023</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
- Tiền mặt	582.501.000	648.240.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	208.404.860.934	240.034.715.468
- Các khoản tương đương tiền	16.700.000.000	550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>225.687.361.934</b>	<b>241.232.955.468</b>
<b>2- Các khoản đầu tư tài chính</b>	<b>Ngày 31/12/2023</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>122.554.520.548</b>
b1) Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	60.000.000.000	122.554.520.548
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		
- Đầu tư góp vốn vào công ty con	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
- <i>Đầu tư cổ phiếu</i>	<b>537.428.525</b>	<b>537.428.525</b>
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 31/12/2023</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 11 CP	409.605	409.605
<b>Cộng</b>	<b>60.537.428.525</b>	<b>123.091.949.073</b>
<b>d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn</b>		
	-	-
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam: 33.686 CP	(449.435.320)	(442.698.120)
<b>Cộng</b>	<b>(449.435.320)</b>	<b>(442.698.120)</b>
<b>3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>Ngày 31/12/2023</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
- Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	93.569.673	1.515.952.284
- Cty CP Cảng Nam Đình Vũ	2.106.554.472	72.204.588
- Công ty CP Vận tải biển Hoàn Sơn	-	5.635.289.073
- East Shipping Management Ltd	2.931.529.170	
- Bright Spring International Ltd	3.363.917.932	
- R&S Trader Pte Ltd, Singapore	14.780.156.866	
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	7.883.288.147	8.935.758.933
<b>Cộng</b>	<b>31.159.016.260</b>	<b>16.159.204.878</b>
<b>4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>Ngày 31/12/2023</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
- Tạm ứng	2.983.923.322	3.377.141.156
- Ký cược, ký quỹ	742.000.000	1.369.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	1.935.659.086	1.743.405.671
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

- Bảo hiểm tai nạn	8.471.886	8.583.886
- Bảo hiểm xã hội	251.227.132	163.492.437
- Bảo hiểm y tế	14.312.376	13.319.045
- Bảo hiểm thất nghiệp	9.520.056	32.931.859
- Kinh phí công đoàn	83.304	-
- Thuế TNCN	20.625.904	-
- Lãi dự thu	1.101.568.492	1.680.471.355
- Các khoản phải thu khác	36.297.039	75.021.025
+ Phải thu khác	<u>36.297.039</u>	<u>75.021.025</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>14.446.176.171</u></b>	<b><u>15.805.854.008</u></b>
<b>5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b><u>Ngày 31/12/2023</u></b>	<b><u>Ngày 01/01/2023</u></b>
- CN Bạch Đằng - Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
- Nguyễn Văn Bình	358.500.000	358.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	95.761.500	105.761.500
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	199.080.000
- Cty vận tải biển Hoành Sơn	-	3.944.702.351
<b>Cộng</b>	<b><u>9.506.691.853</u></b>	<b><u>13.461.394.204</u></b>
<b>6- Hàng tồn kho</b>	<b><u>Ngày 31/12/2023</u></b>	<b><u>Ngày 01/01/2023</u></b>
- Nguyên liệu, vật liệu	32.055.438.765	47.906.983.565
- Công cụ, dụng cụ	50.735.000	24.502.000
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	10.271.117.280
- Hàng hóa	-	47.339.590
<b>Cộng</b>	<b><u>32.106.173.765</u></b>	<b><u>58.249.942.435</u></b>
<b>7- Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b><u>Ngày 31/12/2023</u></b>	<b><u>Ngày 01/01/2023</u></b>
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	-	91.957.200
+ Chi phí xây dựng lô đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	48.614.897.953	3.347.416.804
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.124.146.300	-
+ TSCĐ đang mua sắm	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>49.739.044.253</u></b>	<b><u>3.439.374.004</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

**8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm 2023**

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC THIẾT BỊ	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
<b>I - NGUYÊN GIÁ</b>						
1. Số dư đầu kỳ		7.505.449.306	1.315.264.586.535	130.752.694	317.390.613	1.323.218.179.148
2. Số tăng trong kỳ		148.000.000	4.495.120.494	-	63.545.455	4.706.665.949
Trong đó:						
- Do mua sắm		148.000.000	4.495.120.494		63.545.455	4.706.665.949
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Số giảm trong kỳ		275.774.000	513.029.566	70.320.864	101.108.951	960.233.381
Trong đó:						
- Thanh lý, nhượng bán			513.029.566	70.320.864	101.108.951	684.459.381
- Khác		275.774.000				275.774.000
4. Số cuối kỳ		7.377.675.306	1.319.246.677.463	60.431.830	279.827.117	1.326.964.611.716
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.404.646.756	104.355.261.183	60.431.830	183.772.571	108.004.112.340
<b>II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
1. Đầu kỳ		5.806.296.756	1.093.008.279.779	128.471.599	303.303.348	1.099.246.351.482
2. Tăng trong kỳ		226.749.132	86.964.398.744	2.281.095	14.187.631	87.207.616.602
- Khấu hao		226.749.132	86.964.398.744	2.281.095	14.187.631	87.207.616.602
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Giảm trong kỳ		68.128.049	513.029.566	70.320.864	101.108.951	752.587.430
- Thanh lý, nhượng bán			513.029.566	70.320.864	101.108.951	684.459.381
- Khác		68.128.049				68.128.049
4. Số cuối kỳ		5.964.917.839	1.179.459.648.957	60.431.830	216.382.028	1.185.701.380.654
<b>III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
1. Đầu kỳ		1.699.152.550	222.256.306.756	2.281.095	14.087.265	223.971.827.666
2. Cuối kỳ		1.412.757.467	139.787.028.506	-	63.445.089	141.263.231.062
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			128.179.262.572			128.179.262.572

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

**9 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình năm 2023**

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
<b>I - NGUYÊN GIÁ</b>				
1. Số dư đầu kỳ		-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ		-	-	-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
4. Số cuối kỳ		-	664.654.500	664.654.500
<b>II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
1. Đầu kỳ		-	457.565.598	457.565.598
2. Tăng trong kỳ		-	155.749.992	155.749.992
- Khấu hao			155.749.992	155.749.992
4. Số cuối kỳ		-	613.315.590	613.315.590
<b>III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
1. Đầu kỳ		-	207.088.902	207.088.902
2. Cuối kỳ		-	51.338.910	51.338.910

10 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính năm 2023 : Không có

11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư năm 2023 :

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	CƠ SỞ HẠ TẦNG	TỔNG CỘNG
<b>I - NGUYÊN GIÁ</b>				
1. Số dư đầu kỳ		23.571.714.505	128.290.146	23.700.004.651
2. Số tăng trong kỳ		-	-	-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
- Chuyển sang CCDC theo TT45				-
4. Số cuối kỳ		23.571.714.505	128.290.146	23.700.004.651
<b>II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
1. Số dư đầu kỳ		19.332.585.784	128.290.146	19.460.875.930
2. Số tăng trong kỳ		806.586.092	-	806.586.092
- Do chuyển từ TSCĐ sang				-
- Do trích khấu hao		806.586.092		806.586.092
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
- Chuyển sang TSCĐ				-
4. Số dư cuối kỳ		20.139.171.876	128.290.146	20.267.462.022
<b>III - Giá trị còn lại</b>				
1. Số dư đầu kỳ		4.239.128.721	-	4.239.128.721
4. Số dư cuối kỳ		3.432.542.629	-	3.432.542.629

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

	<u>Ngày 31/12/2023</u>		<u>Ngày 01/01/2023</u>	
<b>12- Chi phí trả trước</b>				
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.785.453.620		2.576.353.897	
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	238.072.000		1.967.526	
	<u>3.023.525.620</u>		<u>2.578.321.423</u>	
<b>Cộng</b>				
<b>b) Dài hạn</b>				
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	37.325.161.511		37.861.943.111	
- Chi phí làm mái che chống nóng cho đội sản xuất	76.595.556			
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-		-	
	<u>37.401.757.067</u>		<u>37.861.943.111</u>	
<b>Cộng</b>				
<b>14- Vay và nợ thuê tài chính</b>				
<b>a) Vay ngắn hạn</b>				
+ Nợ ngắn hạn DATC	-		5.000.000.000	
	-		5.000.000.000	
<b>b) Vay dài hạn</b>				
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	-		18.697.000.000	
+ Vay ngân hàng phát triển HP	-		18.697.000.000	
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	-		12.321.450.000	
+ Vay ngân hàng phát triển HP	-		12.321.450.000	
	<u>-</u>		<u>36.018.450.000</u>	
<b>Cộng</b>				
<b>15- Phải trả người bán</b>				
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Cty CP Xuất nhập khẩu Kim Việt	-		10.850.360.000	
Monjasa	-		9.012.333.078	
Công ty TNHH thương mại xăng dầu Thành Long	4.434.000.000		2.739.361.500	
Công ty TNHH phát triển kỹ thuật xanh	1.366.003.360		482.429.760	
Phải trả các đối tượng khác	9.973.783.559		13.875.053.072	
	<u>15.773.786.919</u>		<u>36.959.537.410</u>	
<b>Cộng</b>				
<b>16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
	<u>Ngày 31/12/2023</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
<b>a) Phải nộp</b>				
- Thuế GTGT	775.477.526	2.648.159.739	2.739.237.711	684.399.554
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		594.155.574	594.155.574	-
- Thuế nhập khẩu		173.575.935	173.575.935	-
- Thuế TNDN	7.541.898.550	8.552.244.490	7.997.131.689	8.097.011.351
- Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	168.197.964	1.143.941.995	1.062.585.922	249.554.037
- Thuế nhà đất		52.438.835	52.438.835	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		150.733.480	150.733.480	-
	<u>8.485.574.040</u>	<u>13.322.250.048</u>	<u>12.776.859.146</u>	<u>9.030.964.942</u>
<b>Cộng</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

<b>b) Phải thu</b>	<b>Ngày 31/12/2023</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
- Tiền thuê đất do được bù trừ	2.530.402.774	691.669.167	1.091.337.974	2.930.071.581
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	48.419.547	86.437.594	38.018.047
- Các khoản khác phải thu của Nhà nước	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.530.402.774</b>	<b>740.088.714</b>	<b>1.177.775.568</b>	<b>2.968.089.628</b>

<b>17- Chi phí phải trả</b>	<b>Ngày 31/12/2023</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí phải trả lãi vay	-	-
- Chi phí phải trả khác	1.653.991.957	179.499.010
<b>Cộng</b>	<b>1.653.991.957</b>	<b>179.499.010</b>

<b>18- Phải trả khác</b>	<b>Ngày 31/12/2023</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công đoàn phí	47.662.446	181.279.442
- Kinh phí công đoàn	1.000.000	49.188.670
- Bảo hiểm y tế	98.694.731	53.327.330
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.674.333	-
- Thuế TNCN	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.000.000	32.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.107.375.000	7.107.375.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.586.197.576	1.733.443.574
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	18.410.934.152	20.868.175.501
- Nợ chờ xử lý do tái cơ cấu	-	58.628.174.289
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	652.291.615	927.415.170
<b>Cộng</b>	<b>27.963.829.853</b>	<b>89.580.378.976</b>

<b>19- Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>Ngày 31/12/2023</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	367.352.964	13.176.361.200
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	32.320.541	23.528.246
<b>Cộng</b>	<b>399.673.505</b>	<b>13.199.889.446</b>

**21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả :**

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	890.292.398
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	205.504.615	



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

**V22- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu:****a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu Quý IV năm 2023**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>82.932.721.854</b>	<b>(40.518.877.307)</b>	<b>242.413.844.547</b>
Tăng trong năm trước				
- Lãi năm 2022			251.568.597.692	251.568.597.692
- Trích lập các Quỹ		153.784.501	(225.550.601)	(71.766.100)
				-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>83.086.506.355</b>	<b>210.824.169.784</b>	<b>493.910.676.139</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>83.086.506.355</b>	<b>210.824.169.784</b>	<b>493.910.676.139</b>
- Lãi Quý I			902.841.136	902.841.136
- Lãi Quý II			452.656.933	452.656.933
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		63.134.272.470	(76.414.239.860)	(13.279.967.390)
- Lãi Quý III			2.669.228.080	2.669.228.080
- Lãi Quý IV			32.007.255.180	32.007.255.180
				-
<b>Số dư cuối ngày 31/12/2023</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>146.220.778.825</b>	<b>170.441.911.253</b>	<b>516.662.690.078</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

	<u>Ngày 31/12/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
<b>b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:</b>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VĐL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49% VĐL	98.000.000.000	98.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
<b>c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:</b>		
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)</b>	<b>Ngày 31/12/2023</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Ngày 31/12/2023</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>		
<b>- Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
+ Số dư quỹ đầu năm	83.086.506.355	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	63.134.272.470	153.784.501
Do trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận tại công ty con	166.595.058	153.784.501
Do trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận năm 2022	62.967.677.412	-
+ Giảm trong năm	-	-
+ Số dư quỹ cuối năm	<b>146.220.778.825</b>	<b>83.086.506.355</b>
<b>- Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>		
+ Số dư quỹ đầu năm	567.267.320	1.033.135.100
+ Tăng trong kỳ	13.282.947.390	551.373.100
Thu nhập từ bán cổ phiếu VNA đầu tư từ quỹ phúc lợi	-	479.607.000
Do trích lập quỹ khen thưởng từ phân phối lợi nhuận năm 2022	6.335.639.921	71.766.100
Do trích lập quỹ phúc lợi từ phân phối lợi nhuận năm 2022	6.335.639.921	-
Do trích lập quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	608.687.548	-
Được ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng khen thưởng	2.980.000	-
+ Giảm trong kỳ	1.505.623.500	1.017.240.880
+ Số dư quỹ cuối kỳ	<b>12.344.591.210</b>	<b>567.267.320</b>
<b>23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán</b>	<b>Ngày 31/12/2023</b>	<b>Ngày 01/01/2023</b>
<b>a) Ngoại tệ các loại</b>		
-Đồng đô la Mỹ (USD)	7.845.081,06	9.109.719,85
<b>b) Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>1.180.624.375</b>	<b>1.180.624.375</b>
- Khách hàng Liana	59.231.742	59.231.742
- Khách hàng Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

<b>24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	593.844.082.552	1.051.486.848.379
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	504.442.734.644	970.371.901.331
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	89.353.965.848	81.114.947.048
+ Doanh thu bán hàng bột đá	47.382.060	105.386.400
	<b>593.844.082.552</b>	<b>1.051.592.234.779</b>
<b>26- Doanh thu thuần về BG và cung cấp DV (MS 10)</b>		
	<b>593.844.082.552</b>	<b>1.051.592.234.779</b>
<b>27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	500.362.415.513	698.551.753.234
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	80.918.143.728	73.723.822.654
- Giá vốn bán hàng	47.339.590	105.291.938
<b>Cộng</b>	<b>581.327.898.831</b>	<b>772.380.867.826</b>
<b>28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.830.335.958	4.670.061.320
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.800
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10.488.991.536	8.086.845.733
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.029.333.924	-
<b>Cộng</b>	<b>21.348.661.418</b>	<b>12.756.917.853</b>
<b>29- Chi phí tài chính (Mã số 22)</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
- Chi phí lãi vay	2.862.441.692	9.133.565.044
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.969.755.013	3.453.277.913
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	4.375.645.421
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	6.737.200	26.948.800
- Chi phí tài chính khác	112.879	132.090
<b>Cộng</b>	<b>8.839.046.784</b>	<b>16.989.569.268</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Bảo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
<b>30- Thu nhập khác</b>		
-Thu nhập thanh lý TSCĐ	60.818.182	47.348.900.000
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(5.814.815)	(130.206.545)
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay ngân hàng	58.628.174.289	61.350.008.110
- Thu nhập từ khoản được bồi thường sau va chạm	-	103.410.000
- Các khoản khác	99.759.463	78.123.364
<b>Cộng</b>	<b><u>58.782.937.119</u></b>	<b><u>108.750.234.929</u></b>
<b>31- Chi phí khác</b>		
- Các khoản bị phạt	150.733.480	6.235.215
- Tiền thuê đất tại khu đất TM8	2.583.972.067	-
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà đa năng trường tiểu học	-	300.000.000
- Các khoản khác	306.766.021	681
<b>Cộng</b>	<b><u>3.041.471.568</u></b>	<b><u>306.235.896</u></b>
<b>32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a) Chi phí bán hàng</b>	<b>11.841.439.097</b>	<b>22.237.345.500</b>
Hoa hồng phí cho các tàu	11.841.439.097	22.237.345.500
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>23.800.914.778</b>	<b>46.677.519.992</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.247.240.969	2.123.778.278
Chi phí nhân công	20.552.413.786	33.960.593.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	797.247.177	724.956.226
Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	7.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(3.954.702.351)	3.950.430.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.836.649.218	1.813.616.130
Chi phí khác bằng tiền	3.315.065.979	4.097.145.397
<b>Cộng</b>	<b><u>35.642.353.875</u></b>	<b><u>68.914.865.492</u></b>
<b>33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
<b>33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu</b>	<b>208.533.050.641</b>	<b>332.802.235.074</b>
- Nhiên liệu	191.409.334.900	312.826.413.030
- Nguyên liệu, vật liệu	17.123.715.741	19.975.822.044
<b>33.2- Chi phí nhân công</b>	<b>100.053.410.082</b>	<b>152.872.668.598</b>
- Tiền lương	83.185.420.081	135.620.500.000
- BHXH	7.155.274.560	7.030.376.711
- Bảo hiểm y tế	923.407.778	874.227.896
- Bảo hiểm thất nghiệp	408.872.832	105.372.687
- Kinh phí công đoàn	819.320.016	816.249.306
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	7.561.114.815	8.425.941.998
<b>33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định</b>	<b>88.169.952.686</b>	<b>88.196.859.251</b>
<b>33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài</b>	<b>205.090.251.118</b>	<b>226.460.834.830</b>
<b>33.6- Chi phí khác bằng tiền</b>	<b>8.759.833.660</b>	<b>10.717.352.801</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>610.606.498.187</u></b>	<b><u>811.049.950.554</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.997.131.689	63.829.543.785
35- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.095.797.013	(890.292.398)
Chênh lệch tạm thời chưa khấu trừ	1.027.523.077	4.451.461.988
Thuế TNDN	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	890.292.398
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	205.504.615	
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	890.292.398	

**VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2023	Năm 2022
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	-
- Tiền thu từ đi vay	-	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	36.018.450.000	196.000.542.772
- Tiền trả nợ gốc vay	36.018.450.000	196.000.542.772

**VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC****GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập của các thành viên trong Ban giám đốc, HĐQT và người quản lý	4.171.474.859	4.778.006.287
Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Chủ tịch HĐQT	35.000.000	-
Ông Trần Văn Nghi - Chủ tịch HĐQT	674.788.355	1.060.325.036
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó chủ tịch HĐQT	78.000.000	43.000.000
Ông Dương Ngọc Tú - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	1.000.382.861	994.011.385
Ông Trần Dũng Chiến - Thành viên HĐQT	49.000.000	577.152.365
Ông Đào Trọng Sử - Thành viên HĐQT	49.000.000	28.000.000
Ông Phạm Bá Chính - Thành viên HĐQT	29.000.000	-
Ông Phạm Tuấn Hải - Thành viên HĐQT	12.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Duy - Phó Tổng giám đốc	677.577.121	680.944.670
Ông Lê Văn Thái - Phó Tổng giám đốc	739.109.111	636.851.826
Bà Trần Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng	652.617.411	652.721.005
Bà Lê Thị Liên Hương - Trưởng ban kiểm soát	73.000.000	43.000.000
Bà Nguyễn Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	53.000.000	31.000.000
Bà Phan Nha Trang - Thành viên Ban kiểm soát	26.000.000	31.000.000
Ông Phan Văn Hưng - Thành viên ban kiểm soát	23.000.000	-

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

	Ngày 31/12/2023	Ngày 01/01/2023
2.1. Với công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam		
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	6.600.000.000	6.600.000.000
- Phải trả khác	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

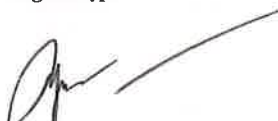
Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023

**4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động:**

Các hoạt động	Quý IV năm 2023	Năm 2023	Quý IV năm 2022	Năm 2022
<b>Vận tải biển</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	112.465.220.118	504.442.734.644	199.857.835.836	970.371.901.331
- Chi phí	129.980.428.144	532.294.938.444	202.130.832.719	764.181.913.369
- Lợi nhuận	(17.515.208.026)	(27.852.203.800)	(2.272.996.883)	206.189.987.962
<b>Hoạt động dịch vụ</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	21.813.715.817	89.401.347.908	20.841.385.730	81.220.333.448
- Chi phí	20.531.501.381	84.675.314.262	20.022.664.850	77.113.819.949
- Lợi nhuận	1.282.214.436	4.726.033.646	818.720.880	4.106.513.499
<b>Hoạt động tài chính</b>				
- Doanh thu tài chính	2.847.778.508	21.348.661.418	2.735.987.080	12.756.917.853
- Chi phí tài chính	2.072.581.007	8.839.046.784	6.899.789.049	16.989.569.268
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	775.197.501	12.509.614.634	(4.163.801.969)	(4.232.651.415)
<b>Hoạt động khác</b>				
- Thu nhập hoạt động khác	58.700.368.952	58.782.937.119	47.345.353.678	108.750.234.929
- Chi phí hoạt động khác	2.597.622.120	3.041.471.568	304.500.001	306.235.896
- Lợi nhuận hoạt động khác	56.102.746.832	55.741.465.551	47.040.853.677	108.443.999.033

Người lập

  
 Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

  
 Trần Thị Thanh Hương


Tổng giám đốc

  
 Dương Ngọc Tú